

Số: 06 /2015/TT-BXD

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2015

THÔNG TƯ**Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Xây dựng**

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Xây dựng như sau:

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Xây dựng.

2. Thông tư này áp dụng với cá nhân, tập thể người Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài và cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích đóng góp xây dựng và phát triển ngành Xây dựng Việt Nam.

Điều 2. Mục tiêu công tác thi đua, khen thưởng

1. Tạo động lực động viên, khuyến khích các tập thể, cá nhân thi đua lao động sáng tạo, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Ghi nhận, biểu dương, tôn vinh công trạng và khuyến khích bằng lợi ích vật chất đối với các tập thể, cá nhân có thành tích trong các phong trào thi đua, đóng góp vào sự phát triển của ngành Xây dựng.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua:

a) Tự nguyện, tự giác, công khai;

b) Đoàn kết, hợp tác, cùng phát triển;

c) Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua; các tập thể, cá nhân tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

2. Nguyên tắc khen thưởng:

a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời;

b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được;

c) Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng;

d) Kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất;

đ) Bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng;

e) Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng cá nhân là người lao động trực tiếp và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác;

g) Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo;

h) Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng có quá trình cống hiến được giảm 03 năm so với quy định chung;

Đối với khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, khi có nhiều tập thể, cá nhân cũng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ và tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng;

i) Đối với cá nhân trong một năm chỉ đề nghị một hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc", hình thức khen

thường cấp Bộ, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Xây dựng” (trừ trường hợp khen thưởng đột xuất).

Điều 4. Các loại hình khen thưởng

1. *Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được* là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. *Khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt)* là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phát động.

3. *Khen thưởng đột xuất* là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất; dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân hoặc của Nhà nước (thành tích đột xuất là thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân phải đảm nhận).

4. *Khen thưởng quá trình cống hiến* là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia trong các giai đoạn cách mạng (giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội) có công lao, thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. *Khen thưởng đối ngoại* là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài đã có thành tích, đóng góp cho sự phát triển ngành Xây dựng.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Bộ trưởng Bộ Xây dựng phát động, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các phong trào thi đua trong ngành Xây dựng.

2. Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng Bộ có trách nhiệm tham mưu, đề xuất với lãnh đạo Bộ về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, tổ chức thực hiện, sơ kết, tổng kết và kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng; đề xuất khen thưởng và kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc ngành Xây dựng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các tổ chức đoàn thể cùng cấp tổ chức phát động, chỉ đạo và tổ chức thực hiện phong trào thi đua trong phạm vi mình quản lý; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng; tổ chức tuyên truyền, nêu gương người tốt, việc tốt và nhân rộng các điển hình tiên tiến.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc ngành Xây dựng chịu trách nhiệm trước Hội đồng thi đua, khen thưởng Bộ về công tác thi đua, khen thưởng trong đơn vị mình quản lý.

4. Thủ trưởng các cơ quan thông tin, báo chí, xuất bản thuộc ngành Xây dựng có trách nhiệm chủ động, phối hợp với Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng Bộ và các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền về công tác thi đua, khen thưởng; phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong các phong trào thi đua.

Điều 6. Quyền lợi và nghĩa vụ của tập thể, cá nhân được khen thưởng

1. Quyền lợi của tập thể, cá nhân được khen thưởng:

a) Tập thể được tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng có quyền lưu giữ trưng bày, được sử dụng biểu tượng của các hình thức khen thưởng đó trên các văn bản, tài liệu chính thức của đơn vị; được nhận bằng khen, giấy chứng nhận và tiền thưởng hoặc hiện vật theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

b) Cá nhân được tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có quyền lưu giữ, trưng bày và sử dụng hiện vật khen thưởng; được nhận bằng khen, giấy chứng nhận và tiền thưởng hoặc hiện vật theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; được xem xét nâng lương trước thời hạn, ưu tiên cử đi nghiên cứu, học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước; các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng là một trong các căn cứ để đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ hàng năm.

2. Nghĩa vụ của tập thể, cá nhân được khen thưởng:

Cá nhân, tập thể được các cấp công nhận các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng có nghĩa vụ bảo quản các hiện vật khen thưởng theo quy định.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Thẩm quyền quyết định tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo Điều 77, 78 của Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật số 47/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật số 39/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

2. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định tặng:

a) Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Xây dựng”;

b) Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”;

c) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Xây dựng”;

d) Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

đ) Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Xây dựng”.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị (có tư cách pháp nhân, có tài khoản, có con dấu riêng) quyết định tặng:

a) Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”;

b) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

c) Danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

d) Giấy khen.

Điều 8. Nguyên tắc và trình tự tiến hành lễ trao tặng

1. Nguyên tắc:

a) Việc công bố và trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng là dịp để tôn vinh gương người tốt, việc tốt và những điển hình tiên tiến, cần tổ chức trang trọng nhưng phải bảo đảm hiệu quả, thiết thực, tránh phô trương hình thức, lãng phí; khi tổ chức cần kết hợp với các nội dung khác của đơn vị để tiết kiệm thời gian và chi phí.

b) Nghi thức trao tặng Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài.

2. Trình tự tiến hành lễ trao tặng:

a) Đối với Huân chương, Huy chương, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước: Sau khi nhận được quyết định, thủ trưởng đơn vị lập kế hoạch tổ chức đón nhận, trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng; sau khi có ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng, Thường trực thi đua, khen thưởng Bộ phối hợp với đơn vị để tổ chức công bố và trao tặng.

b) Đối với danh hiệu Cờ thi đua của Chính phủ, danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: Sau khi nhận được quyết định, thủ trưởng đơn vị chủ động lập kế hoạch, tổ chức công bố, trao tặng cho tập thể, cá nhân được khen thưởng.

c) Đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: Bộ trưởng ủy quyền cho thủ trưởng các đơn vị tổ chức công bố, trao tặng cho tập thể, cá nhân được khen thưởng.

Điều 9. Hội đồng thi đua, khen thưởng

1. Hội đồng thi đua, khen thưởng Bộ Xây dựng:

a) Hội đồng thi đua, khen thưởng Bộ Xây dựng là tổ chức tham mưu cho Bộ trưởng về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Xây dựng.

b) Hội đồng thi đua, khen thưởng Bộ Xây dựng do Bộ trưởng quyết định thành lập, gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Phó Chủ tịch Thường trực là Thứ trưởng phụ trách công tác thi đua, khen thưởng;
- Các Phó Chủ tịch khác và các ủy viên do Bộ trưởng quyết định;
- Ủy viên Thường trực: Trưởng ban Ban Thi đua, khen thưởng.

c) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thi đua, khen thưởng Bộ thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

2. Hội đồng thi đua, khen thưởng cơ sở:

a) Các cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng phải thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng cơ sở.

Đối với các tổ chức khác, thủ trưởng cơ quan, đơn vị căn cứ tình hình thực tế để xem xét, quyết định việc thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng. Trường hợp không thành lập Hội đồng, việc xét trình khen thưởng do thủ trưởng cơ quan, đơn vị phối hợp với cấp ủy và các tổ chức đoàn thể cùng cấp thực hiện.

b) Hội đồng thi đua, khen thưởng cơ sở là tổ chức mưu cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng.

c) Hội đồng thi đua, khen thưởng cơ sở do thủ trưởng các cơ quan, đơn vị (có tư cách pháp nhân, có tài khoản, có con dấu riêng) quyết định thành lập, gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị;
- Phó Chủ tịch và các ủy viên do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định.

d) Hội đồng thi đua, khen thưởng cơ sở thực hiện chức năng tham mưu cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng và làm việc theo quy chế hoạt động do Chủ tịch Hội đồng ban hành.

Điều 10. Hội đồng Sáng kiến

1. Hội đồng Sáng kiến Bộ Xây dựng:

a) Hội đồng Sáng kiến Bộ Xây dựng do Bộ trưởng quyết định thành lập.

b) Thành phần, nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc của Hội đồng Sáng kiến do Bộ trưởng quyết định và thực hiện theo quy định tại Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến (sau đây gọi tắt là Nghị định số 13/2012/NĐ-CP), Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công

nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN) và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở:

a) Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở do thủ trưởng cơ quan, đơn vị cùng cấp quyết định thành lập.

b) Thành phần, nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc của Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở do thủ trưởng đơn vị cùng cấp quy định và thực hiện theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP, Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 11. Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Nguồn và mức trích quỹ:

a) Nguồn hình thành, mức trích khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 67 và Điều 68 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác quản lý tài chính, thực hiện chế độ thi đua, khen thưởng.

b) Nguồn kinh phí để khen thưởng thực hiện theo Điều 67 Nghị định 42/2010/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Quản lý và sử dụng quỹ:

Thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 69 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

3. Tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng:

a) Mức tiền thưởng cụ thể kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các điều từ Điều 70 đến Điều 76 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

b) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất. (Ví dụ: Năm 2014, ông Nguyễn Văn A được tặng thưởng danh hiệu Lao động tiên tiến sau đó được tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2014, thì chỉ được nhận tiền thưởng của danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2014).

c) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của tất cả các danh hiệu thi đua. (Ví dụ: Năm 2012, 2013, 2014 ông Nguyễn Văn A được tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, kết thúc năm 2014 được tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ thi đua ngành Xây dựng

thì ông Nguyễn Văn A được nhận tiền thưởng của cả danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2014 và cả tiền thưởng của danh hiệu Chiến sĩ thi đua ngành Xây dựng năm 2014).

d) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của cả danh hiệu thi đua và cả hình thức khen thưởng. (Ví dụ: Năm 2014, ông Nguyễn Văn A được tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở và cũng trong năm 2014 được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thì ông Nguyễn Văn A được nhận tiền thưởng của cả danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở và cả tiền thưởng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng).

Điều 12. Quản lý hồ sơ thi đua, khen thưởng

1. Hồ sơ quản lý tại Bộ Xây dựng:

a) Ban thi đua, khen thưởng Bộ có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng trở lên và toàn bộ hồ sơ khác liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng của ngành Xây dựng theo quy định thuộc thẩm quyền, trách nhiệm quản lý của Bộ.

b) Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

2. Hồ sơ quản lý tại các cơ quan, đơn vị:

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc ngành Xây dựng chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý, lưu trữ toàn bộ hồ sơ liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị mình theo quy định.

Chương II

HÌNH THỨC, NỘI DUNG THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN CÁC DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 13. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua được tổ chức dưới các hình thức sau:

a) Thi đua thường xuyên được thực hiện hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm nhằm hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu và chương trình kế hoạch công tác đề ra.

b) Thi đua theo đợt (theo chuyên đề) được tổ chức để thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất theo từng giai đoạn và thời gian được xác định.

Điều 14. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ đề, tên gọi, mục tiêu, phạm vi và đối tượng:

a) Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ thực hiện.

b) Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua, làm cơ sở cho việc xây dựng các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể. Việc xác định nội dung và chỉ tiêu thi

đua phải khoa học, phù hợp với thực tiễn của cơ quan, đơn vị.

2. Xây dựng kế hoạch, giải pháp tổ chức thực hiện; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện và chỉ đạo phong trào thi đua.

3. Đánh giá kết quả thi đua:

a) Đối với các đợt thi đua dài ngày (thời gian từ 1 năm trở lên), phải tổ chức sơ kết vào giữa đợt; kết thúc các đợt thi đua ngắn ngày (thời gian dưới 1 năm) hoặc từng đợt (theo chuyên đề) phải tổng kết đánh giá kết quả.

b) Lựa chọn những tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua để khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 15. Đăng ký thi đua

1. Hàng năm, các cơ quan, đơn vị thuộc ngành Xây dựng có trách nhiệm tổ chức cho các tập thể, cá nhân trong đơn vị đăng ký thi đua với các nội dung, chỉ tiêu, danh hiệu cụ thể; tổng hợp gửi về Bộ Xây dựng (Ban thi đua, khen thưởng) trước ngày 15 tháng 3 hàng năm.

2. Đối với các phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề, các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch và gửi bản đăng ký thi đua về Ban thi đua, khen thưởng Bộ.

Điều 16. Các danh hiệu thi đua

1. Các danh hiệu thi đua đối với tập thể:

- a) Cờ thi đua của Chính phủ;
- b) Cờ thi đua của Bộ Xây dựng;
- c) Tập thể Lao động xuất sắc;
- d) Tập thể Lao động tiên tiến.

2. Các danh hiệu thi đua đối với cá nhân:

- a) Chiến sỹ thi đua toàn quốc;
- b) Chiến sỹ thi đua ngành Xây dựng;
- c) Chiến sỹ thi đua cơ sở;
- d) Lao động tiên tiến.

Điều 17. Tiêu chuẩn danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Là tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn “Cờ thi đua của Bộ Xây dựng”;

b) Hoàn thành vượt mức, toàn diện các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;

c) Có nhân tố mới, mô hình mới có hiệu quả, có tính tiêu biểu cho cả nước học tập;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

e) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

2. Các tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được đánh giá, khen thưởng khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên.

3. Số lượng tập thể được đề nghị xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” không quá 20% tổng số những tập thể được xét tặng “Cờ thi đua của Bộ Xây dựng”.

Điều 18. Tiêu chuẩn danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Xây dựng”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Xây dựng” được xét tặng hàng năm cho tập thể thuộc ngành Xây dựng đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong các lĩnh vực, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới có hiệu quả, có tính tiêu biểu cho các tập thể khác trong cùng lĩnh vực học tập;

c) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

d) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả.

2. Số lượng tập thể được đề nghị xét tặng “Cờ thi đua của Bộ Xây dựng” thực hiện theo hướng dẫn hàng năm của Bộ.

Điều 19. Tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”

Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Là tập thể tiêu biểu được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”;

2. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong năm;

3. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

4. Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

5. Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

6. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 20. Tiêu chuẩn danh hiệu Tập thể “Lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm;
2. Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
3. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;
4. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả.

Điều 21. Tiêu chuẩn danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất, được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Xây dựng”;
- b) Có đề tài, sáng kiến, giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được Hội đồng sáng kiến cấp Bộ công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ đã được nghiệm thu, đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng sau năm đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Xây dựng” lần thứ hai.

Điều 22. Tiêu chuẩn danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Xây dựng”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Xây dựng” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;
- b) Có đề tài, sáng kiến, giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác hoặc đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu được áp dụng trong thực tiễn được Hội đồng sáng kiến cấp Bộ công nhận hoặc đạt giải nhất tại các hội thi, hội giảng cấp Bộ hoặc cấp quốc gia, có ảnh hưởng trong phạm vi của Ngành.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Xây dựng” được xét tặng sau năm đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” lần thứ ba.

Điều 23. Tiêu chuẩn danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Là cá nhân tiêu biểu trong số các cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
- b) Có sáng kiến, giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động,

tăng hiệu quả công tác hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng trong thực tiễn được cấp cơ sở công nhận.

2. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Hội đồng sáng kiến, khoa học cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, đơn vị xem xét, công nhận.

3. Tỷ lệ bình xét: Không quá 15% trong tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

Điều 24. Tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao; đối với công nhân và người trực tiếp lao động sản xuất, phải đạt hiệu quả trong lao động sản xuất;

b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chính sách, quy định, nội quy của Ngành, của đơn vị và địa phương; có tinh thần tự lực, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua;

c) Có đạo đức, lối sống lành mạnh;

d) Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Tỷ lệ bình xét: Không quá 80% trong tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị.

3. Cá nhân có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

4. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 12 tháng, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

5. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

6. Đối với cá nhân chuyển công tác: Cơ quan, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

7. Trường hợp được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động

tiên tiến” do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái).

8. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với một trong các trường hợp:

- a) Mới tuyển dụng dưới 10 tháng;
- b) Nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên;
- c) Bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 25. Các hình thức khen thưởng

1. Hình thức khen thưởng cấp Nhà nước:

a) Huân chương:

- Huân chương Sao Vàng;
- Huân chương Hồ Chí Minh;
- Huân chương Độc lập hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;
- Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;
- Huân chương Dũng cảm;
- Huân chương Hữu nghị.

b) Huy chương Hữu nghị.

c) Danh hiệu vinh dự Nhà nước:

- Danh hiệu “Anh hùng Lao động”;
- Danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”;
- Danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”.

d) Giải thưởng cao quý:

- Giải thưởng Hồ Chí Minh;
- Giải thưởng Nhà nước.

đ) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

2. Các hình thức khen thưởng cấp Bộ:

a) Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Xây dựng”;

b) Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

3. Hình thức khen thưởng cấp cơ sở:

Giấy khen của thủ trưởng cơ quan, đơn vị (có tư cách pháp nhân, có tài khoản, có con dấu riêng).

Điều 26. Đối tượng, tiêu chuẩn các danh hiệu vinh dự Nhà nước, các giải thưởng cao quý, huân chương, huy chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 27. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Xây dựng”

1. Đối tượng xét tặng:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đã và đang công tác trong ngành Xây dựng, có thành tích và thâm niên công tác, được thủ trưởng các đơn vị đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ.

b) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngoài Ngành có nhiều đóng góp cho sự phát triển ngành Xây dựng.

c) Người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài, có thành tích xuất sắc và có nhiều đóng góp cho ngành Xây dựng.

2. Tiêu chuẩn xét tặng:

a) Đối với cá nhân đã và đang công tác trong ngành Xây dựng đạt được một trong các tiêu chuẩn sau:

- Được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và có thâm niên công tác:

+ Đối với nam: Có 20 năm công tác liên tục trong ngành Xây dựng hoặc tổng thời gian công tác là 25 năm, trong đó có 15 năm công tác liên tục trong ngành Xây dựng;

+ Đối với nữ: Có 15 năm công tác liên tục trong ngành Xây dựng hoặc tổng thời gian công tác là 20 năm, trong đó có 10 năm công tác liên tục trong ngành Xây dựng.

- Những cá nhân làm việc trong ngành Xây dựng có thành tích đặc biệt xuất sắc, được tặng thưởng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng, ưu tiên tính năm công tác theo hệ số sau:

+ Huân chương Lao động hạng Ba trở lên: hệ số 1,5;

+ Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc ưu tú trở lên: hệ số 2.

Những cá nhân đạt được nhiều danh hiệu vinh dự chỉ được tính hệ số ở mức cao nhất.

b) Đối với cá nhân ngoài ngành Xây dựng đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích, công lao đóng góp cho sự nghiệp phát triển của ngành Xây dựng;

- Có đề tài, sáng kiến có giá trị được áp dụng trong ngành Xây dựng;

- Có công lao trong việc xây dựng và củng cố mối quan hệ hợp tác giữa các nước, các tổ chức quốc tế với ngành Xây dựng Việt Nam, đóng góp tích cực cho sự nghiệp phát triển Xây dựng Việt Nam.

3. Đối với các cá nhân đã nghỉ chế độ công tác, cơ quan quản lý ra quyết định nghỉ chế độ có trách nhiệm xác nhận, lập hồ sơ trình Bộ trưởng xét tặng Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp Xây dựng” theo quy định. Trường hợp cơ quan, tổ chức đã giải thể hoặc sáp nhập thì cơ quan, tổ chức kế thừa có trách nhiệm xác nhận, lập hồ sơ trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Điều 28. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

1. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng” xét tặng cho tập thể trong ngành Xây dựng gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực của ngành Xây dựng;

c) Có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ngay trước năm đề nghị; nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với các thành viên trong tập thể;

d) Tổ chức Đảng, đoàn thể được công nhận trong sạch, vững mạnh trong 2 năm liên tục; giải quyết kịp thời, dứt điểm các đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền.

2. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng” xét tặng cho cá nhân công tác trong ngành Xây dựng gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực của ngành Xây dựng;

c) Có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ngay trước năm đề nghị, trong thời gian đó có 02 sáng kiến, giải pháp được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

3. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng” được xét tặng cho tập thể, cá nhân thuộc các hội, hiệp hội nghề nghiệp; các công ty, tổng công ty trước đây thuộc Bộ Xây dựng nay đã chuyển giao phần vốn nhà nước về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước quản lý và các tập thể, cá nhân ngoài Ngành có nhiều thành tích đóng góp cho sự phát triển của ngành Xây dựng.

Điều 29. Giấy khen

Giấy khen của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định tại Khoản 42 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.

Điều 30. Khen thưởng quá trình công hiến

Đối tượng, tiêu chuẩn, thời gian, quy trình xét khen thưởng quá trình công hiến đối với các cá nhân thực hiện theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Chương IV

THỦ TỤC, HỒ SƠ VÀ QUY TRÌNH XÉT KHEN THƯỞNG

Điều 31. Tuyển trình khen thưởng

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị các cấp trong ngành Xây dựng có trách nhiệm trình cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với cá nhân, tập thể thuộc phạm vi mình quản lý.

2. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

3. Cấp nào chủ trì phát động các phong trào thi đua, cấp đó lựa chọn cá nhân, tập thể xuất sắc để khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

4. Các hội, hiệp hội chuyên ngành thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Xây dựng do Bộ Xây dựng khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

5. Đối với các doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Xây dựng quản lý do Bộ khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng, kể cả các doanh nghiệp đã chuyển giao phần vốn nhà nước về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước quản lý.

6. Đối với những cá nhân là lao động trực tiếp có thành tích xuất sắc tiêu biểu, Công đoàn Xây dựng Việt Nam trình Bộ Xây dựng khen thưởng nhân dịp Tháng Công nhân.

7. Đơn vị có tập thể, cá nhân người nước ngoài tham gia hợp tác có trách nhiệm trình khen thưởng cho các tập thể, cá nhân người nước ngoài có nhiều đóng góp cho ngành Xây dựng.

8. Khen thưởng đối với Lãnh đạo Bộ: Ban thi đua, khen thưởng Bộ đề xuất các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng trình Hội đồng thi đua, khen thưởng Bộ.

9. Khi xét khen thưởng đối với các công trình, dự án liên quan đến xây dựng cơ bản có nhiều thành phần tham gia, các đơn vị được giao chủ trì theo dõi có trách nhiệm đánh giá tổng kết các phong trào thi đua và chủ trì tổng hợp các hình thức khen thưởng trình Bộ.

Điều 32. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng các danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng cao quý:

Thực hiện theo Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng Huân chương các loại, gồm 04 bộ (bản chính), gồm có:

a) Tờ trình của đơn vị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng;

b) Biên bản họp Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp trình khen thưởng;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng;

d) Xác nhận của Hội đồng Sáng kiến cấp có thẩm quyền đối với sáng kiến, giải pháp, đề tài nghiên cứu của cá nhân được đề nghị khen thưởng;

đ) Xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chi trả lương đối với tập thể được đề nghị khen thưởng và cá nhân là thủ trưởng đơn vị được đề nghị khen thưởng;

e) Ý kiến hiệp y của địa phương (Ủy ban nhân dân phường, xã) nơi đơn vị có trụ sở đóng trên địa bàn đối với tập thể được đề nghị khen thưởng và nơi cư trú đối với cá nhân là thủ trưởng đơn vị được đề nghị khen thưởng.

3. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” gồm 03 bộ (bản chính), gồm có:

a) Tờ trình của đơn vị kèm theo danh sách cá nhân được đề nghị khen thưởng;

b) Biên bản họp Hội đồng và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp trình khen thưởng;

c) Báo cáo thành tích của cá nhân được đề nghị khen thưởng;

d) Bản sao các quyết định tặng thưởng danh hiệu thi đua của cá nhân được đề nghị khen thưởng;

đ) Xác nhận của Hội đồng Sáng kiến cấp Bộ đối với sáng kiến, giải pháp, đề tài nghiên cứu của cá nhân được đề nghị khen thưởng;

e) Xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chi trả lương đối với cá nhân là thủ trưởng đơn vị được đề nghị khen thưởng;

g) Ý kiến hiệp y của địa phương (Ủy ban nhân dân phường, xã) nơi cư trú đối với cá nhân là thủ trưởng đơn vị được đề nghị khen thưởng.

4. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” gồm 03 bộ (bản chính), gồm có:

a) Tờ trình của đơn vị kèm theo danh sách tập thể được đề nghị khen thưởng;

b) Biên bản họp Hội đồng và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp trình khen thưởng;

c) Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị khen thưởng;

d) Xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chi trả lương của tập thể được đề nghị khen thưởng;

đ) Ý kiến hiệp y của địa phương (Ủy ban nhân dân phường, xã) nơi đơn vị có trụ sở đóng trên địa bàn đối với tập thể được đề nghị khen thưởng.

5. Hồ sơ đề nghị xét tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” gồm 03 bộ (bản chính), gồm có:

a) Tờ trình của đơn vị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng;

b) Biên bản họp Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp trình khen thưởng;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng;

d) Xác nhận của Hội đồng Sáng kiến cấp có thẩm quyền đối với sáng kiến, giải pháp, đề tài khoa học của cá nhân được đề nghị khen thưởng;

đ) Xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chi trả lương của tập thể được đề nghị khen thưởng và cá nhân là thủ trưởng đơn vị được đề nghị khen thưởng;

e) Ý kiến hiệp y của địa phương (Ủy ban nhân dân phường, xã) nơi đơn vị có trụ sở đóng trên địa bàn đối với tập thể được đề nghị khen thưởng và nơi cư trú đối với cá nhân là thủ trưởng đơn vị được đề nghị khen thưởng.

Điều 33. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Bộ

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Xây dựng” gồm 01 bộ (bản chính), gồm có:

a) Tờ trình của đơn vị kèm theo danh sách tập thể được đề nghị khen thưởng;

b) Biên bản họp Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp trình khen thưởng;

c) Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị khen thưởng;

d) Báo cáo hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế của tập thể được đề nghị khen thưởng;

đ) Ý kiến hiệp y của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi đơn vị có trụ sở đóng trên địa bàn đối với tập thể được đề nghị khen thưởng (Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch Kiến trúc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng” gồm 01 bộ (bản chính), gồm có:

a) Tờ trình của đơn vị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng;

b) Biên bản họp Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp trình khen thưởng;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng;

d) Xác nhận của Hội đồng Sáng kiến cấp có thẩm quyền đối với sáng kiến, giải pháp, đề tài khoa học của cá nhân được đề nghị khen thưởng;

3. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Xây dựng” gồm 01 bộ (bản chính), gồm có:

a) Tờ trình của đơn vị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng;

b) Biên bản họp Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp trình khen thưởng;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng;

d) Bản sao quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” của cá nhân được đề nghị khen thưởng.

đ) Xác nhận của Hội đồng Sáng kiến cấp có thẩm quyền đối với sáng kiến, giải pháp, đề tài khoa học của cá nhân được đề nghị khen thưởng;

4. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Xây dựng” gồm 01 bộ (bản chính), gồm có:

a) Tờ trình của đơn vị kèm theo danh sách cá nhân được đề nghị khen thưởng;

b) Biên bản họp Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp trình khen thưởng;

c) Danh sách trích ngang của cá nhân được đề nghị khen thưởng;

d) Bản tóm tắt quá trình công tác của cá nhân được đề nghị khen thưởng (đối với cá nhân ngoài ngành Xây dựng).

5. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đột xuất hoặc đối với trường hợp khen thưởng do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện (thủ tục đơn giản), gồm 01 bộ (bản chính), gồm có:

a) Tờ trình của đơn vị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng;

b) Báo cáo tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp, trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng.

6. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt), gồm 01 bộ (bản chính), gồm có:

a) Tờ trình của đơn vị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng;

b) Biên bản họp Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp trình khen thưởng;

c) Báo cáo tổng kết phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề của đơn vị.

7. Hồ sơ đề nghị khen thưởng quá trình công hiến, gồm 04 bộ (bản chính), gồm có:

a) Tờ trình của đơn vị kèm theo danh sách cá nhân được đề nghị khen thưởng;

b) Biên bản họp Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp trình khen thưởng;

c) Báo cáo quá trình công tác của cá nhân được đề nghị khen thưởng;

d) Bản sao xác nhận cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa (đối với cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa) của cá nhân được đề nghị khen thưởng;

đ) Bản sao có chứng thực các văn bản: Quyết định bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quyết định nâng lương, sổ bảo hiểm xã hội hoặc lý lịch đảng viên của cá nhân được đề nghị khen thưởng.

e) Đối với những cá nhân đã nghỉ chế độ, phải có đơn đề nghị khen thưởng.

8. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với tập thể, cá nhân người nước ngoài gồm có:

a) Tờ trình của đơn vị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng;

b) Biên bản họp Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp trình khen thưởng;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng;

d) Ý kiến của Vụ Hợp tác Quốc tế (đối với khen thưởng cấp Nhà nước).

đ) Số lượng:

- Hồ sơ khen thưởng cấp Bộ gồm 01 bộ (bản chính).

- Hồ sơ khen thưởng cấp Nhà nước gồm 04 bộ (bản chính).

Điều 34. Thời gian nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng

Các đơn vị gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng về Bộ Xây dựng (Ban thi đua, khen thưởng) kèm theo thư điện tử về địa chỉ email: tdkt@moc.gov.vn (ở định dạng file .doc đối với tờ trình, danh sách, báo cáo thành tích; ở định dạng .pdf đối với các văn bản khác có liên quan).

1. Khen thưởng theo công trạng, thành tích đạt được (khen thưởng thường xuyên):

a) Đối với danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Huân chương, Huy chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ:

- Đợt 1: Nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng trước ngày 15 tháng 3 hàng năm (đối với danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc xét vào đợt 1 hàng năm).

- Đợt 2: Nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng trước ngày 15 tháng 8 hàng năm.

b) Đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Xây dựng:

- Các đơn vị trong Ngành: Nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng trước ngày 15 tháng 3 hàng năm (đối với các trường đào tạo, nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng trước ngày 15 tháng 8 hàng năm).

- Các đơn vị ngoài Ngành: Nhận hồ sơ trước 15 ngày làm việc, tính đến ngày dự kiến trao thưởng.

c) Đối với Cờ thi đua của Chính phủ và Cờ thi đua của Bộ Xây dựng: Nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

2. Khen thưởng đột xuất, khen thưởng theo đợt, theo chuyên đề:

Các đơn vị gửi hồ sơ chậm nhất 15 ngày sau khi các tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất và kết thúc chuyên đề công tác.

3. Khen thưởng quá trình cống hiến:

Nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng hàng năm.

4. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng” xét tặng hàng năm vào dịp 29/4 và dịp 2/9:

a) Đợt 1: Nhận hồ sơ trước ngày 15 tháng 3 hàng năm;

b) Đợt 2: Nhận hồ sơ trước ngày 15 tháng 8 hàng năm.

5. Các danh hiệu vinh dự Nhà nước và giải thưởng cao quý:

Thực hiện theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

6. Đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng không đúng quy định, Ban thi đua, khen thưởng thông báo và trả hồ sơ cho đơn vị.

Điều 35. Quy trình xét khen thưởng cấp Nhà nước

1. Đối với các danh hiệu vinh dự Nhà nước, các giải thưởng cao quý:

Thực hiện theo Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Đối với Huân chương các loại, “Huy chương Hữu nghị”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Cờ thi đua của Chính phủ”:

a) Các đơn vị gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng về Bộ Xây dựng (Ban thi đua, khen thưởng) theo quy định.

b) Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Ban thi đua, khen thưởng tiến hành thẩm định, tổng hợp, trình Hội đồng thi đua, khen thưởng Bộ xét đối với các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng.

Đối với các hình thức khen thưởng Huân chương Độc lập (các hạng), danh hiệu Anh hùng Lao động và danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc:

Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng xin ý kiến Ban cán sự đảng Bộ trước khi trình Thủ tướng Chính phủ.

c) Căn cứ kết luận của Hội đồng thi đua, khen thưởng Bộ, Ban thi đua, khen thưởng hoàn thiện hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ.

d) Ban thi đua, khen thưởng thông báo kết quả khen thưởng.

3. Đối với “Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ”:

a) Các đơn vị gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng về Bộ Xây dựng (Ban thi đua, khen thưởng) theo quy định.

b) Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Ban thi đua, khen thưởng tiến hành thẩm định, tổng hợp, trình Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng Bộ xét đối với các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng.

c) Căn cứ kết luận của Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng Bộ, Ban thi đua, khen thưởng hoàn thiện hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ.

d) Ban thi đua, khen thưởng thông báo kết quả khen thưởng.

Điều 36. Quy trình xét khen thưởng cấp Bộ

1. Đối với các danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua ngành Xây dựng”, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Xây dựng” và “Bảng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng”:

a) Các đơn vị gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng về Bộ Xây dựng (Ban thi đua, khen thưởng) theo quy định.

b) Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Ban thi đua, khen thưởng tiến hành thẩm định, tổng hợp hồ sơ đề nghị khen thưởng của các tập thể, cá nhân trình Bộ trưởng quyết định.

c) Ban thi đua, khen thưởng thông báo kết quả khen thưởng.

2. Đối với danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Xây dựng”:

a) Các đơn vị gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng về Bộ Xây dựng (Ban thi đua, khen thưởng) theo quy định.

b) Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Ban thi đua, khen thưởng tiến hành thẩm định, tổng hợp, trình Hội đồng thi đua, khen thưởng Bộ xét đối với các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng.

c) Ban thi đua, khen thưởng thông báo kết quả khen thưởng.

3. Đối với các trường hợp khen thưởng đột xuất, khen thưởng theo đợt, theo chuyên đề hoặc khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân ngoài ngành Xây dựng:

a) Các đơn vị gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng về Bộ Xây dựng (Ban thi đua, khen thưởng) theo quy định.

b) Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Ban thi đua, khen thưởng tiến hành thẩm định, tổng hợp hồ sơ đề nghị khen thưởng của các tập thể, cá nhân và lấy ý

kiến các đơn vị có liên quan khi cần thiết trước khi trình Bộ trưởng quyết định.

c) Ban thi đua, khen thưởng thông báo kết quả khen thưởng.

Chương V

KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 37. Kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng

1. Ban thi đua, khen thưởng có trách nhiệm kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng tại các đơn vị trong phạm vi toàn Ngành.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng tại các đơn vị do cấp mình quản lý.

Điều 38. Xử lý vi phạm

Thực hiện theo quy định tại Điều 96 và Điều 97 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003; Điều 80 và Điều 81 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP; Điều 25 và Điều 26 Thông tư số 07/2014/TT-BNV và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 39. Giải quyết khiếu nại tố cáo

Ban thi đua, khen thưởng có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết các khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền và phối hợp với các đơn vị chức năng có liên quan kiểm tra, xác minh, báo cáo trình Chủ tịch Hội đồng thi đua, khen thưởng Bộ xử lý.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 40. Tổ chức bộ máy thực hiện công tác thi đua, khen thưởng

1. Vụ Tổ chức cán bộ là cơ quan có chức năng tham mưu cho Bộ trưởng và Hội đồng thi đua, khen thưởng Bộ chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Xây dựng.

2. Ban thi đua, khen thưởng là tổ chức trực thuộc Vụ Tổ chức cán bộ, giúp Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ tham mưu cho lãnh đạo Bộ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng; có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của Ngành với Hội đồng thi đua, khen thưởng Bộ.

3. Các đơn vị thuộc Bộ căn cứ vào đặc điểm, tình hình thực tiễn để bố trí cán bộ chuyên trách thực hiện nhiệm vụ về công tác thi đua, khen thưởng và tham mưu cho thủ trưởng đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng.

4. Các cơ quan, đơn vị thực hiện cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa trong quản lý và thực hiện công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 41. Báo cáo công tác thi đua, khen thưởng

1. Định kỳ quý I hàng năm, các đơn vị tổng kết, đánh giá công tác thi đua, khen thưởng năm liền kề và gửi báo cáo về Vụ Tổ chức cán bộ (Ban thi đua, khen thưởng) trước ngày 31 tháng 3 hàng năm để tổng hợp, quản lý.

2. Khi phát động và kết thúc mỗi đợt thi đua, các đơn vị có trách nhiệm gửi báo cáo về Ban thi đua, khen thưởng Bộ để theo dõi và làm căn cứ xét khen thưởng.

Điều 42. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2015.

2. Quyết định số 34/2006/QĐ-BXD ngày 10 tháng 10 năm 2006 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng ngành Xây dựng hết hiệu lực thi hành kể từ khi Thông tư này có hiệu lực thi hành.

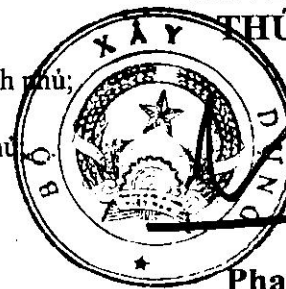
Điều 43. Trách nhiệm thi hành

1. Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Xây dựng để xem xét, giải quyết.

2. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Hội đồng TĐKTTU;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ;
- Ban TĐKTTU;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc ngành Xây dựng;
- Công báo, Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Website Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, TCCB.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Hồng Hà